

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NINH THUẬN
TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG

KỸ THUẬT
NUÔI DÊ - CỪU
(Lưu hành nội bộ)

Ninh Thuận, năm 2018

LỜI NÓI ĐẦU

Nhằm có bộ tài liệu phục vụ cho đào tạo, tập huấn cho nông dân và cơ sở để biên soạn giáo án cho các lớp dạy nghề lao động nông thôn về một số đối tượng thuộc lĩnh vực chăn nuôi, Trung tâm Khuyến nông biên soạn bộ tài liệu về kỹ thuật chăn nuôi Bò – Dê – Cừu để đáp ứng nhu cầu trên. Trong tập tài liệu này chúng tôi giới thiệu về 2 vật nuôi dê – cừu.

Bộ tài liệu gồm 6 phần gồm: Giới thiệu giống và đặc điểm sinh học, cách chọn giống và một số lưu ý trong công tác phối giống, thức ăn và chế biến thức ăn, kỹ thuật chăm sóc và nuôi dưỡng, chuồng trại và vệ sinh thú y và phòng trị bệnh. Trong phần thức ăn chúng tôi có đề cập đến kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch cỏ và chế biến thức ăn cho gia súc khá kỹ nhằm giải quyết vấn đề thiếu thức ăn trong mùa khô.

Chúng tôi chân thành cảm ơn sự đóng góp ý kiến của sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật, sở Giáo dục và Đào tạo, sở Lao động - Thương binh và Xã hội, trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận.

Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề chưa hợp lý, Trung tâm Khuyến nông sẽ xem xét, sửa đổi, bổ sung để tài liệu này ngày càng hoàn thiện.

A. KỸ THUẬT CHĂN NUÔI DÊ

PHẦN I: GIỚI THIỆU MỘT SỐ GIỐNG VÀ ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC CỦA DÊ

I. Giới thiệu một số giống dê

1. Dê cỏ

- Có màu lông vàng-nâu hoặc đen-trắng.

- Trọng lượng sơ sinh: 1,7-1,9 kg.

- Trọng lượng lúc trưởng thành: 30-35 kg.

- Trọng lượng lúc sáu tháng tuổi: 11-12 kg.

- Tuổi phối giống lần đầu: 6-7 tháng, đẻ 1,4 lứa/ năm; 1,3 con/ lứa.

- Phù hợp với chăn thả quảng canh - mục đích lấy thịt.



2. Dê Bách Thảo

- Có sừng hoặc không có sừng. Có màu lông đen hoặc đen đốm trắng, đa số có hai vệt lông trắng chạy từ trán xuống má và viền trắng quanh tai, bốn chân trắng, tai to cụp xuống.

- Trọng lượng sơ sinh: 2,6-2,8 kg.

- Trọng lượng của dê cái trưởng thành: 36-40 kg.

- Trọng lượng của dê đực trưởng thành: 65-80 kg.



- Cho sữa: 0,8-1,3 lít/ngày.
- Tuổi phối giống lần đầu: 7-8 tháng, đẻ 1,8 lứa/năm; 1,7 con/lứa.
- Có thể nuôi nhốt, kết hợp với chăn thả. Mục đích cho thịt và sữa

3. Dê Boer

- Dê có màu lông trắng với vành lông đỏ và nâu ở cổ và đầu. Sống mũi nhô cao, sừng nổi rõ và tai rộng và sụp.



- Hơn 50% sinh đôi và 7% sinh ba. Giống dê này thích hợp với khẩu phần ăn tinh cao. Tuy nhiên, vẫn có thể chăn thả được. Trọng lượng con đực có thể đạt 160 kg và con cái là 115 kg. Nếu nuôi dưỡng tốt có thể hạ thịt lúc 6-8 tháng tuổi với trọng lượng khoảng 80 kg.

Hiện nay có một số nông dân sử dụng dê lai Bách Thảo và Boer.

Dê lai có màu sắc lông trắng hoàn toàn, trắng pha đen, trắng pha nâu là phổ biến

Có ưu thế của cả 2 giống dê Bách Thảo và dê Boer, tăng trọng nhanh.



Dê lai Bách Thảo -Boer

II. Một số đặc điểm sinh học của dê

Dê là loài nhai lại, rất phàm ăn và thường tìm thức ăn mới. Dê là con vật sử dụng nước hiệu quả hơn nhiều so với trâu, bò. Nó có khả năng chịu khát rất giỏi.

Môi dê mỏng, linh hoạt nên ngoài khả năng gặm cỏ như trâu, bò..., dê còn có khả năng đứng bằng hai chân, bứt các loại lá cây, hoa trên cao, thậm chí trèo hẳn lên cây để chọn, bứt các phần ngon. Dê thích ăn ở độ cao 0,2-1,2m. Thức ăn để sát mặt đất dê thường khó ăn và phải quỳ hai chân trước xuống để ăn.

Dê có tập tính bầy đàn cao. Khi dê ốm thường vẫn cố theo đàn cho đến khi kiệt sức ngã quỵ xuống mới thôi. Vì vậy, khi chăm sóc dê phải quan tâm tỷ mỉ mới phát hiện được dê mắc bệnh để có biện pháp khắc phục kịp thời.

Dê động dục lần đầu lúc 6-8 tháng tuổi, phối giống lần đầu lúc 8-10 tháng và đẻ lứa đầu lúc 14 tháng.

Chu kỳ động dục của dê kéo dài 19-21 ngày. Thời gian động dục kéo dài 36-40 giờ (đôi khi kéo dài trên 02 ngày). Thời gian mang thai là 150 ngày (5 tháng)

*** Xem răng định tuổi dê:**

Từ sơ sinh đến một năm tuổi: Răng sữa

Một tuổi rưỡi: Thay 2 răng cửa giữa

Hai năm tuổi: Thay 2 răng cửa bên

Ba năm tuổi : Thay 2 răng áp góc

Bốn năm tuổi: Thay 2 răng góc

(đủ răng)

Sáu năm tuổi: Chân răng hở



Dê thay 2 đôi răng

PHẦN II: CÁCH CHỌN DÊ GIỐNG VÀ MỘT SỐ CHÚ Ý THEO DỐI PHỐI GIỐNG

I. Cách chọn dê giống

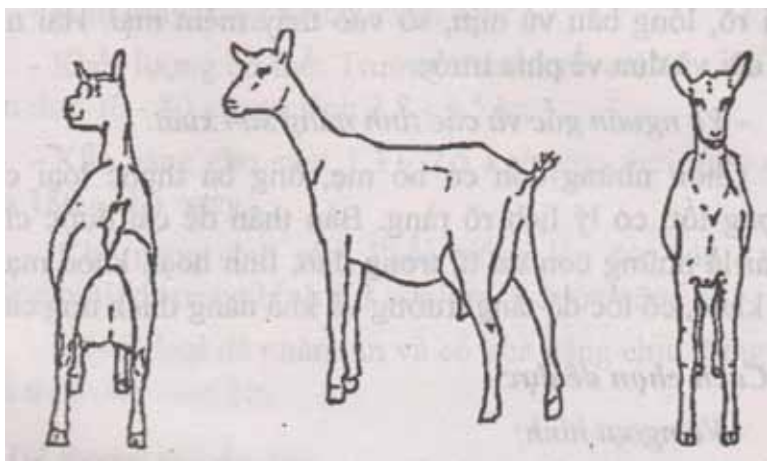
1. Chọn dê cái giống

- Chọn qua đời trước : Từ bố mẹ giống tốt.

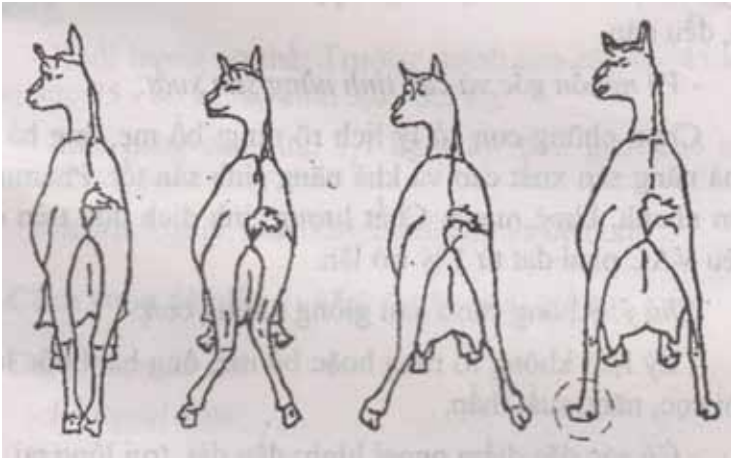
- Chọn qua bản thân: Ngoại hình: đầu rộng, hơi dài, trán dô, cổ dài vừa phải, mình nở rộng, chân sau và trước cứng cáp, thẳng đứng, các khớp gọn, thanh, không dày.

Bầu vú: bầu vú nở rộng, các phần cân đối, bầu vú gắn chặt vào phần bụng; gọn ở phía trước; hai núm vú dài và đưa về phía trước, nhìn từ phía sau bầu vú nở tròn, lông bầu vú càng mịn càng tốt, bầu vú treo vững, núm vú to dài từ 4-6 cm, có nhiều tĩnh mạch nổi trên bầu vú.

- Chọn lọc qua đánh giá con cái của chúng.



Dê cái chọn làm giống



Không nên chọn những dê cái này làm giống

2. Chọn dê đực giống

- Chọn qua đời trước : Chọn đực giống từ bố mẹ, ông bà tốt.

- Chọn qua bản thân: Ngoại hình, khả năng sinh sản, khả năng thích nghi với điều kiện chăn nuôi.

Đầu to vừa phải, trán rộng, cổ tròn, ngực to, ức rộng, mình dài, bốn chân chắc khỏe, bụng thon gọn, khỏe mạnh,...

Hai tinh hoàn to đều đặn, săn chắc, cân đối. Nên chọn con đực lứa đẻ thứ 2-4 (chọn dê đực con một).

- Chọn lọc qua đánh giá thể hệ con cái của chúng.

II. Một số chú ý trong công tác phối giống

- Biểu hiện dê cái động dục: Phần ngoài của bộ phận sinh dục sưng, chảy nước, đỏ. Đuôi ve vẩy, đứng yên cho dê khác nhảy lên. Luôn kêu la và giảm lượng ăn vào.

- Không cho dê đực có quan hệ dòng họ để phối để tránh dòng huyết.

- Tỷ lệ đực giống/cái sinh sản là: 1 đực giống phối cho 30 đê cái.

- Thời gian thay đê đực giống trong đàn khoảng 1,5 năm là phù hợp, hạn chế tình trạng phối giống đồng huyết cục bộ trong phạm vi một trại.

- Đề cải tạo đàn dê theo hướng thịt, sữa có thể thụ tinh nhân tạo bằng tinh các giống dê Boer, Saneen...

PHẦN III: THỨC ĂN, TRỒNG VÀ CHẾ BIẾN THỨC ĂN CHO DÊ

I. Các loại thức ăn

Dê là loài động vật nhai lại nhỏ, không kén chọn thức ăn, ăn được nhiều loại thực vật, phụ phẩm nông nghiệp như: Cám gạo, xác mì, xác đậu nành, bột bắp, vỏ quả mít, vỏ quả chuối, đu đủ, bí đỏ, củ cải, dây thanh long, lá nho, lá táo, hèm bia, hèm rượu....Đê dê có đầy đủ chất dinh dưỡng, mau lớn phải bổ sung thêm các loại vitamin, khoáng chất và nước sạch cho dê uống.

II. Quy trình trồng cỏ VA06

1. Chọn hom giống

Chọn cây thành thực đạt 3 đến 4 tháng tuổi trở lên có đường kính thân trên 0,8 cm, khỏe, không bị sâu bệnh, bóc hết lá bẹ ở mầm nách rồi dùng dao sắc cắt thành từng đoạn (không bẻ hom tránh làm dập hom ảnh hưởng đến mầm non hoặc dễ gây sâu bệnh sau này). Hom giống chú ý nên cắt nghiêng; lượng giống cần chuẩn bị 7 tấn/ha.



2. Chuẩn bị đất và cách trồng



Trước khi trồng cần cày bừa khu ruộng và làm đất tơi xốp và dọn sạch cỏ dại. Cước làm rãnh sâu 15 đến 20cm, hàng cách hàng từ 50 đến 60 cm

Dem hom giống đã chuẩn bị sẵn đặt vào rãnh nghiêng 45 độ hoặc đặt nằm ngang dưới rãnh (cách đặt hom tùy theo mùa khô hay mùa mưa như đã nêu ở trên). Đặt hom xong lấp đất kỹ. Cần tưới để giữ độ ẩm thường xuyên.



3. Bón phân và chăm sóc

Định mức phân bón cho 1 ha: 15-20 tấn phân chuồng, 400kg urê, 300kg lân, 200 kali.

Bón lót phân chuồng và phân lân trước khi trồng, phân urê và kali chia đều bón thúc sau mỗi lứa cắt (Trộn phân urê và kali bón mỗi lần bón 100 kg cho 6 lần cắt). Sau khi trồng 25 đến 30 ngày cỏ đã lên mầm, bén rễ và sau mỗi lứa cắt 7 đến 10 ngày nên dùng nước phân chuồng loãng để tưới giúp cây phát triển nhanh, chú ý tưới nước giữ ẩm.

Làm sạch cỏ dại 2 -3 lần trước khi cỏ trồng phủ kín đất, vun gốc để tránh đổ vì đây là thời kỳ cỏ phát triển nhanh nhất.

Sau mỗi lần thu hoạch làm sạch cỏ dại, vun gốc và bón thêm phân chuồng, phân urê thúc cho cỏ để tăng năng suất.

4. Thu hoạch

Sau trồng 50-60 ngày là có thể cắt được lúa đầu, cứ 20 – 40 ngày cắt 1 lần, khi cây cao khoảng 0,8 – 1m thì cắt được, thu 6 – 7 lứa/năm.

III. Quy trình trồng cỏ Ghi-nê (cỏ sả)

1. Chuẩn bị giống

Gieo bằng hạt mỗi ha cần lượng hạt 5 – 6 kg.

Gieo bằng khóm theo bụi mỗi ha cần 5 – 6 tấn khóm.

Cách chuẩn bị khóm giống như sau : cắt bỏ phần ngọn các khóm cỏ giống trên ruộng và để lại chiều cao khóm khoảng 25 - 30 cm. Dùng cuốc đánh gốc cỏ lên, rũ sạch đất, cắt phạt bớt phần rễ già. Sau đó tách thành những khóm nhỏ, mỗi khóm 3 - 4 nhánh.



2. Chuẩn bị đất và cách trồng

Cỏ Ghinê phù hợp với chân ruộng cao, loại đất cát pha, không bị ngập nước hoặc ẩm nhiều. Cần cày vỡ đất ở độ sâu 20 cm, làm sạch cỏ dại và san phẳng đất. Trong trường hợp trồng bằng hạt thì đất phải làm tơi nhỏ hơn.

Rạch hàng cách nhau 50 - 60 cm, sâu 15 cm, trong trường

hợp gieo bằng hạt thì sâu 10 cm.

Sau khi rạch hàng và bón lót phân, tiến hành trồng bằng cách đặt các khóm vào rãnh, ngả cùng một phía và vuông góc với thành rãnh, cách nhau 35 - 40 cm, lấp đất sâu khoảng 10 - 15 cm (1/2 độ dài của thân cây giống) và lưu ý dậm chặt đất, tạo điều kiện có độ ẩm, cây chóng nảy mầm và có tỷ lệ sống cao

Nếu trồng bằng hạt thì gieo rải đều theo hàng rạch và dùng đất nhỏ mịn lấp dày 2-3cm

Trong trường hợp trồng xen với cây ăn quả, trồng ven đường hoặc xung quanh bờ ao thì đào hốc sâu 15 cm, với khoảng cách hàng 50 - 60 cm và hố nọ cách hố kia 15 - 20 cm.

3. Bón phân và chăm sóc

Định mức phân bón cho 1ha:

10-15 tấn phân chuồng hoai mục - bón lót toàn bộ theo hàng rạch

250 kg super lân - bón lót toàn bộ theo hàng rạch

150 kg kali - bón lót toàn bộ theo hàng rạch

300 kg urê - chia đều để bón thúc sau mỗi lần thu hoạch (mỗi lần 50kg tương đương 6 lần thu hoạch)

Sau khi trồng 15 - 20 ngày kiểm tra khả năng ra mầm chồi và nếu cần thiết thì trồng dặm lại. Đồng thời lúc này xới xáo qua, làm cỏ dại và bón thúc bằng đạm urê. Nếu gieo bằng hạt thì chỉ tiến hành chăm sóc và trồng tỉa bổ sung khi cây mọc và có thể phân biệt rõ để tránh nhầm lẫn với cỏ dại. Sau mỗi lần cắt và khi thảm cỏ nảy mầm xanh lại làm sạch cỏ dại rồi dùng phân đạm bón thúc.

4. Thu hoạch

Sau khi trồng được 60 ngày thì thu hoạch lúa đầu, cắt phần trên, cách mặt đất 10 cm. Các lứa thu hoạch sau cách nhau 40 - 45 ngày. Mỗi năm cắt dọn gốc già một lần. Trong trường hợp trồng cỏ Ghinê để chăn thả thì hai lứa đầu tiên vẫn cắt bình thường, bắt đầu từ lứa thứ ba mới đưa gia súc nhai lại vào chăn thả. Tốt nhất là chăn thả khi thảm cỏ có độ cao 35 - 40 cm. Muốn vậy phải bảo đảm chu kỳ chăn thả luân phiên (thời gian nghỉ để cỏ tái sinh) khoảng 25 - 35 ngày vào mùa mưa và 40 - 45 ngày vào mùa khô. Thời gian chăn thả liên tục trên một thửa cỏ không quá 4 ngày.

IV. Chế biến dự trữ thức ăn

1. Ủ thức ăn xanh

*** Công thức ủ xanh:**

Cỏ, thân bắp: 100kg

Cám gạo: 5kg

Muối ăn: 0,5kg.

Nếu thức ăn có hàm lượng đường ít ta có thể bổ sung thêm từ 2 – 4% rỉ mật đường

*** Các bước tiến hành:**

Cỏ sau khi thu cắt về phơi trong bóng mát cho hàm lượng nước trong cỏ còn 70 – 80%, băm cỏ thành đoạn dài từ 10 – 15cm, sau đó tiến hành ủ.

Ủ bằng hố ủ: Dưới đáy hố ủ rải một lớp rơm dày khoảng 10 – 15cm, lót một lớp lá chuối và cuối cùng là túi Nilon tránh

cho đất, cát lẫn vào thức ăn và để cho quá trình lên men yếm khí được tốt hơn.

Sau khi đã chuẩn bị xong hố ủ ta bắt đầu cho thức ăn ủ chua vào trong hố ủ thành từng lớp dày 10 – 15cm, cho thức ăn đến đâu dậm nén chặt đến đó và rắc đều lên trên mỗi lớp một lượt cám và muối ăn. Cứ làm như vậy cho đến khi thức ăn đầy hố ủ. Rắc một lớp cám và muối trên cùng tạo cho quá trình lên men được tốt nhất. Sau đó buộc chặt túi Nilon lại, rải một lớp rơm từ 10 – 15cm trên bề mặt, lấp đất kín hố ủ và che đậy tránh không cho nước mưa vào trong hố ủ.

Ủ bằng túi Nilon: Sau khi thức ăn đã được chuẩn bị xong cho thức ăn vào trong túi ủ, vừa cho vừa nén cho thật chặt giống như cho thức ăn vào hố ủ, tránh làm rách túi ni-lon. Nếu túi bị rách quá trình lên men sẽ bị trở ngại quá trình ủ chua sẽ không thành công. Sau khi thức ăn ủ chua đầy túi ủ ta cũng rắc một lớp cám mỏng và muối trên cùng, buộc chặt miệng túi lại và cất thức ăn ủ chua vào trong chỗ râm mát. Thời gian ủ từ 7-10 ngày có thể sử dụng cho cừu ăn.

2. Làm cỏ khô

Chọn thời điểm cắt khi cỏ có độ non vừa phải như khi ta cắt cho gia súc ăn tươi.

Phơi dưới nắng mặt trời là cách đơn giản và rẻ tiền nhất tuy nhiên phụ thuộc vào thời tiết. Nếu phơi nắng thì nắng và gió càng mạnh, phơi càng nhanh, càng giảm sự hao hụt chất dinh dưỡng trong cỏ. Nếu phơi với quy mô nhỏ, số lượng ít thì có thể dùng sàn phơi hoặc tấm bạt nilon để dễ chạy mưa. Canh trở tốt thì sau 2-3 nắng ta có thể gom cỏ về dự trữ.

PHẦN IV: KỸ THUẬT CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG DÊ

I. Chăm sóc dê cái hậu bị

- Giai đoạn nuôi hậu bị kéo dài 4-5 tháng, cần bảo đảm nhu cầu thức ăn hàng ngày.

- Thức ăn thô xanh 4-5 kg, thức ăn tinh 0,2-0,3 kg.

II. Chăm sóc dê mang thai

- Cho dê ăn, uống đầy đủ bổ sung thêm khoáng chất, đặc biệt ở 2 tháng chữa cuối.

- Khoảng 1 tháng trước khi đẻ nên nhốt dê chữa ở ô chuồng riêng, có ổ rơm, đi chăn gần và tránh đồi dốc cao, tránh bị xô đuổi dễ gây sảy thai. Bồi dưỡng thêm thức ăn tinh và rau cỏ non cho dê nhưng tuyệt đối tránh thức ăn hôi, mốc.

- Tránh để dê bị lạnh.

- Đừng để dê mập quá sẽ sinh sản kém, khó đẻ.

- Khi có dấu hiệu sắp đẻ, lót ổ bằng rơm, cỏ khô sạch trong chuồng ép và có kế hoạch trực đẻ.

- Thức ăn: cho ăn thức ăn tinh hỗn hợp 0,1-0,3 kg; thức ăn thô xanh 4-5 kg.

III. Chăm sóc dê đẻ

1. Các giai đoạn sinh đẻ

- Giai đoạn 1:

Giai đoạn này bầu vú bắt đầu to ra, căng lên (có khi xảy ra trước khi đẻ vài ngày). Âm hộ sưng to, ướt và có khi chảy dịch nhầy. Dê thường ăn ít và bồn chồn, đi lại nhiều và kêu la. Giai đoạn này có thể kéo dài trên một ngày, kết thúc khi bọc ối bị vỡ ra.

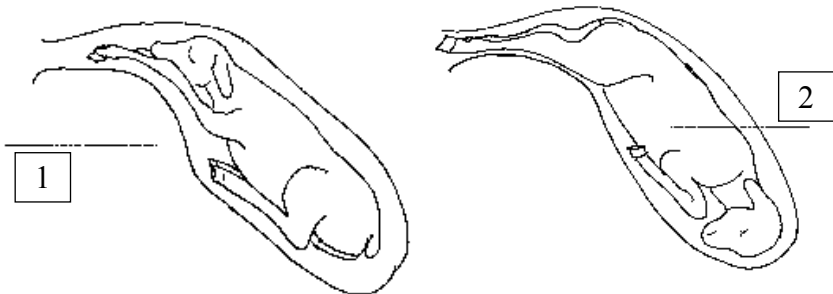
- Giai đoạn 2:

Dê mẹ bắt đầu rặn mạnh, đẩy con ra ngoài. Giai đoạn này thường không quá một tiếng đồng hồ. Nếu sau 15 phút từ khi dê con thò đầu ra ngoài, dê mẹ rặn mạnh mà vẫn chưa đẻ được thì người đỡ đẻ phải nhẹ nhàng kéo dê con ra ngoài theo nhịp rặn của dê mẹ. Sau 45 phút mà vẫn không đẻ được thì phải nhờ thú y viên can thiệp.

Dê con được sinh ra bình thường khi nằm theo một trong hai tư thế như sau:

- Đầu ra trước: dê con nằm úp sấp, cả hai chân trước duỗi thẳng, cằm ở ngang trên đầu gối. (hình 1)

- Đầu ra sau: dê con nằm úp sấp, cả hai chân sau duỗi thẳng ra trước, dê nằm tư thế này thường ra lâu hơn một chút.(hình 2)



2. Phương pháp đỡ đẻ cho dê đẻ khó

- Rửa sạch và xoa tay vào một lớp xà phòng (hoặc dầu ăn,...) cho trơn, nhẹ nhàng đưa tay vào âm đạo.

- Cảm nhận và xác định tư thế và các phần cơ thể của dê con trong tử cung của dê mẹ. Chỉnh lại chân, đầu, và các phần khác của thai về đúng vị trí. Chú ý là dê có thể đẻ sinh đôi hay

sinh ba. Tốt nhất là chỉnh cho đầu và hai chân trước ra trước và thân nằm ở trạng thái úp sấp. Nếu không thì có thể chỉnh một chân trước và đầu dọc vào đường âm đạo, rồi kéo nhẹ nhàng và lôi dê con ra ngoài theo nhịp rặn của dê mẹ. Nếu tư thế đẻ đầu ra sau thì cả hai chân sau phải được chỉnh vào trong đường âm đạo. Phải xác định chắc chắn đó là hai chân sau nếu nó nằm sấp và hai chân úp xuống.

Sau khi chỉnh thai về đúng vị trí thì thận trọng từ từ kéo thai ra ngoài theo nhịp rặn của dê mẹ.

3. Chăm sóc dê mẹ sau sinh

Dê mẹ đẻ xong cho uống nước ấm pha muối hoặc đường loãng, cho ăn rau cỏ non, thức ăn tinh.

Thường không quá 12 giờ nhau thai sẽ ra, quá 12 giờ mà nhau thai chưa ra phải tìm thú y viên giúp đỡ, nếu không sẽ bị nhiễm trùng nguy hiểm cho dê mẹ. Không để dê ăn nhau thai, nếu ăn nhau dê bị rối loạn tiêu hóa.

Trường hợp dê mẹ sưng bầu sữa thì chườm nước nóng và vắt sữa cho chảy ra tránh tắt các tia sữa.

IV. Chăm sóc dê sơ sinh

Dê con đứng dậy được thì cho bú ngay sữa đầu càng sớm càng tốt. Trong sữa đầu giàu chất dinh dưỡng, có khả năng chống lại bệnh tật.

Trong mười ngày đầu dê con ở chung với mẹ và chúng được bú tự do, tập cho chúng bú đều cả hai núm. Từ ngày thứ 11, khi chặn thả dê mẹ, nhốt đàn con ở nhà, chặn thả xung quanh khu vực chuồng nuôi.

3-4 tuần tuổi dê theo mẹ đi ăn tại khu vực chặn thả. 3 tháng tuổi dê có thể cai sữa sống tách mẹ. Thời điểm này có thể tiêm

ngừa vaccine và tẩy giun sán cho chúng.

V. Chăm sóc dê đực giống

- Thường xuyên tắm sạch sẽ.

- Cho ăn thức ăn thô xanh thêm 4-5 kg, thức ăn tinh 0,3kg.

Bổ sung thêm khoáng chất (đá liếm) và vitamin ADE.

PHẦN V: XÂY DỰNG CHUỒNG TRẠI VÀ CÔNG TÁC VỆ SINH THÚ Y

I. Xây dựng chuồng trại

- Chuồng trại mát mẻ vào mùa hè, ấm về mùa đông, chuồng phải có mái che, máng ăn, máng uống và có sân chơi.

- Sàn chuồng cách mặt đất 0,8-1,0 m. Kẽ hở sàn: 1,5-1,8 cm, vừa đủ cho phân lọt xuống nền chuồng. Diện tích tối thiểu: 1,0- 1,2 m²/1 dê lớn.



- Chuồng nuôi đảm bảo vệ sinh, quét dọn phân hàng ngày.

- Phân dê phải được thu gom hàng ngày, trộn với vôi bột, lá cây hoai mục khác, ủ sau 2 tháng mới sử dụng.

- Nền chuồng và xung quanh chuồng trại định kỳ 1 tháng tẩy uế một lần.

- Máng ăn, uống hàng ngày phải quét dọn, lau rửa.

- Nên có ô chuồng dành cho dê đẻ và nuôi con. Có chuồng cách ly để cách ly dê bệnh.



Máng ăn cho dê



Máng uống cho dê

II. Công tác thú y

1. Vệ sinh thú y:

Vệ sinh tắm cho dê, vệ sinh chuồng trại, vệ sinh máng ăn, máng uống theo định kỳ.

2. Công tác phòng bệnh

Hàng năm phải định kỳ tiêm phòng vaccin và ngừa giun sán cho dê.

- | | |
|----------------------------------|---------------|
| - Vaccine Lở mồm long móng: | 6 tháng/lần . |
| - Vaccine Tụ huyết trùng: | 6 tháng/lần. |
| - Giải độc tổ viêm ruột hoại tử: | 6 tháng/lần. |
| - Ký sinh trùng: | 4 tháng/lần. |

PHẦN VI: MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở DÊ

I. Bệnh ký sinh trùng

1. Bệnh nội ký sinh trùng: Sán lá gan, giun đũa, cầu trùng,...

2. Bệnh ngoại ký sinh trùng: Ghẻ, dòi do trầy xước da, ve, nấm hàm,...

Cách phòng trị:

Đối với nội ký sinh trùng:

- Phòng trị sán: dùng Dovenix, Albendazol, Vime-fasci
- Phòng trị giun: dùng Ivermectin
- Trị Ghẻ: Cắt lông chỗ bị ghẻ, cạo sạch sẽ, để khô dùng

lugol 7% bôi vào; hoặc bôi mỡ lưu huỳnh; hoặc tiêm Ivermectin.

II. Bệnh tụ huyết trùng

1. Biểu hiện: Dê sốt cao, lơ lơ mệt mỏi bỏ ăn, mắt đỏ, nước miếng chảy thành sợi dài quanh miệng, niêm mạc tụ máu, lưỡi tím bầm, có thể chướng hơi, nếu bệnh quá nặng có thể sưng hạch cổ, hạch hàm,...

Tụ máu ở cơ quan phủ tạng, các tổ chức liên kết dưới da xuất huyết lâm tẩm, thịt nhão. Màng phổi xuất huyết lốm đốm, dày lên và dính vào thành mạch ngực. Phổi bị viêm, bị gan hóa

2. Cách phòng trị:

Tiêm vaccine phòng bệnh, không nên thả dê đi chăn sớm trước lúc mặt trời mọc, chuồng trại sạch sẽ thông thoáng, mùa lạnh giữ ấm cho dê.

Tiêm thuốc hạ sốt, trợ sức, sau đó dùng kháng sinh như: Kanamulin, Penicillin, Streptomycin.

III. Bệnh đau mắt đỏ

1. Biểu hiện: Ban đầu viêm giác mạc, chảy nước mắt sau đó nước này đặc lại, giác mạc đỏ, đồng tử mờ dần. Nếu không điều trị kịp thời mắt sẽ mù.

2. Trị bệnh: Rửa mắt cừu cho sạch bằng nước muối, dùng kháng sinh: Penicillin, Tetracylin để tra vào mắt hoặc nhỏ mắt bằng Genta drop.



IV. Bệnh chướng hơi dạ cỏ

1. Biểu hiện: Bồn chồn, khó chịu, mệt mỏi, bụng trái căng to, gõ có âm trống.

- Đầu ngoảnh về phía trái, chảy nước dãi.
- Khó thở, niêm mạc đỏ thẫm, sau chuyển tím tái.

- Bỏ ăn, nhu động dạ cỏ yếu dần rồi mất.

2. Phòng và điều trị

- Không cho ăn thức ăn dễ lên men sinh hơi, thức ăn thiu, mốc.

- Để gia súc ở tư thế đầu cao hơn hông, dùng rơm khô chà sát vùng dạ cỏ.

- Dùng 3-4 củ tỏi, 1 củ gừng giã nát và hoà với rượu (hoặc dấm, bia) cho uống có thể cho uống thêm tách nhỏ dầu ăn.



V. Bệnh đậu dê

1. Biểu hiện:

- Chảy nước mũi, mắt đỏ, sốt, bỏ ăn. Sau 1-2 ngày có nhiều nốt mẩn đỏ, nốt này vỡ tạo thành vảy và tồn tại sau 3-4 tuần.

- Viêm phế quản và phổi, dê khó thở, ho ra dịch mủ, chết sau 5-6 ngày.

2. Trị bệnh: Dùng thuốc nam (với các nguyên liệu lá bàng, lá chè, trà không, nấu lấy nước cho uống. Ngoài da bôi xanh metylen.

VI. Bệnh viêm vú

1. Biểu hiện:

- Bầu vú sưng, nóng đau.
- Da bầu vú đỏ sau xanh rồi thâm lại.

- Sữa loãng, vón cục, có cặn, đôi khi lẫn máu, có mùi, màu sữa thay đổi.

- Dê sốt, xù lông, kém ăn.



2. Trị bệnh:

- Lau sạch, xoa bóp, chườm nước nóng, vắt hết sữa.

- Giảm đau, sốt dùng Vitamin C + Analgin, tiêm bắp

- Tiêm kháng sinh như: Gentamycin, Cephalixin, Amoxillin,

- Chuồng trại phải đảm bảo sạch sẽ, khô ráo, thao tác vắt sữa đúng kỹ thuật

**VII. Bệnh viêm ruột hoại tử****1. Biểu hiện:**

- Dê đau đớn khó chịu, cong lưng, nghiêng răng, chảy nước dãi.

- Trợn, chớp mắt liên tục, co giật, sốt cao.

- Tiêu chảy dữ dội, phân có màng nhầy thối khắm. Dê thường chết nhanh sau vài giờ.

- Mở khám thấy: gan sưng, xuất huyết, túi mật sưng to; ruột viêm nặng màu đỏ thẫm, hạch ruột sưng; dịch bao tim có các hạt nhỏ như mỡ gà.

2. Phòng trị bệnh

- Do mầm bệnh tồn tại trong đất và trong dạ cỏ và ruột của dê. Bệnh phát ra do hậu quả của sự thay đổi đột ngột thức ăn. Do đó dẫn đến sự thay đổi các yếu tố lý hoá trong đường tiêu hóa, tạo điều kiện cho vi khuẩn sinh sôi, phát triển và sinh độc tố gây bệnh. Các độc tố của vi khuẩn được giải phóng ra rất nhanh và được hấp thu vào máu gây bệnh.

- Khi thay đổi thức ăn phải từ từ, cho dê quen dần.

- Dê mắc bệnh thì khó hồi phục. Có thể điều trị bằng Streptomycin, Neomycin, Nova-amdecol, Genta-colenro, kết hợp tiêm glucose vào tĩnh mạch và cho uống muối bicarbonat.

- Tiêm giải độc tố.

VIII. Bệnh viêm loét miệng truyền nhiễm

1. Biểu hiện

Bệnh thường bắt đầu ở môi rồi lan nhanh xuống cằm và đầu mũi. Bắt đầu, da sưng lên rồi thành những mụn đỏ có mủ. Mụn nổi một cách liên tục, hay từng đợt nổi tiếp, kéo dài chừng 10 ngày. Những mụn đỏ lan rộng và ngày càng dày lên, bọc một đám cứng, làm môi dày lên khó cử động, lỗ mũi bị hẹp lại. Con vật lầy và nuốt thức ăn khó, đau nên thường bỏ ăn, chảy dãi, lỗ mũi bị bịt kín chất nhầy, thở khó.

Các mụn đỏ có mủ dễ thành những u như chất sừng, hình bắp cải súp lơ, dễ tán thành bột, hoặc có mủ chảy nước, những u này nổi rõ vào ngày thứ 20.

Các vết loét có thể xuất hiện ở lưỡi hoặc ở niêm mạc miệng, được phủ một lớp bọt trắng. Dê đau, kém ăn, chảy dãi.

2. Phòng trị bệnh

Vì bệnh do virus gây ra nên kháng sinh không có hiệu lực. Các loại kháng sinh lại có tác dụng đối với bệnh thứ phát xuất hiện.

Cách ly những con bệnh. Chuồng trại, máng ăn, máng uống, thân thể dê phải được vệ sinh khử trùng. Sau khi khỏi bệnh, tắm cho súc vật bằng nước pha hoá chất sát trùng (cloramin-B, virkon...)

Một số dung dịch sát trùng được dùng để rửa các vết loét ở môi, miệng của những con mắc bệnh như: thuốc tím 0,05%, có thể sử dụng hỗn hợp pha chế bởi 20ml cồn Iốt 20% và 10g bột Tetracyclin hoà với 0.5 lít mật ong để bôi vào vết loét 2-3 lần/ngày.

Cho dê ăn những thức ăn mềm, non và bồi dưỡng bằng các vitamin A, B...

Và một điều cần chú ý rằng: người dễ bị nhiễm bệnh khi tiếp xúc với con vật bệnh. Vì vậy, người chăn nuôi, điều trị, xử lý dê bệnh nên đeo găng tay và sát trùng cẩn thận sau khi tiếp xúc, chăm sóc dê bệnh./.

B. KỸ THUẬT NUÔI CỪU

PHẦN I: GIỚI THIỆU MỘT SỐ GIỐNG VÀ ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC CỦA CỪU

I. Giới thiệu một số giống cừu

1. Giống cừu Phan Rang

- Đa số cừu có sắc lông trắng (80%), một số có sắc lông nâu trắng hoặc nâu đen (20%), lông kim ngắn và lông xoắn dài.



- Trọng lượng trưởng thành con cái 34 kg, con đực 42 kg. Khoảng cách 2 lứa đẻ 8 tháng, số con đẻ ra mỗi lứa là 1-2 con.

2. Giống cừu nhập ngoại

* Giống cừu Dorper

- Đầu to, lưng thẳng bụng thon gọn, mình phủ lông kim ngắn, mịn, màu trắng, đuôi ngắn. Bốn chân thẳng, săn chắc,...



Cừu Dorper

- Cừu cái trưởng thành nặng 44 kg, cừu đực trưởng thành 75 kg.

*** Giống cừu White Suffolk**

- Cừu có mặt và bốn chân màu trắng, mình phủ lông xoắn dài trắng nhạt, đầu to, thô, tai to trung bình và thẳng; bốn chân thẳng, săn chắc. Là giống cừu hướng thịt và lấy lông.



Cừu White Suffolk

- Có khả năng tăng trọng tốt, cừu cái trưởng thành 54 kg, cừu đực trưởng thành 95 kg.



Cừu lai Dorper

* Hiện nay số lượng cừu lai giữa đực Dorper và cái Phan Rang khá nhiều và được nông dân chọn nuôi vì có đặc điểm sinh trưởng và phát triển nổi trội hơn so với cừu Phan Rang.

II. Một số đặc điểm sinh học của cừu

Môi hoạt động linh hoạt, răng cửa sắc, nhờ đó chúng có thể gặm được cỏ mọc thấp. Sống theo bầy đàn, hiền lành, thích ở nơi cao ráo,...

Cừu là loài nhai lại, dạ dày chia làm 4 ngăn: Dạ cỏ, dạ tổ ong, dạ lá sách và dạ múi khế.

- Tuổi phối lần đầu 11-18 tháng, không phối giống trước 9 tháng tuổi để cừu cái sinh trưởng và phát dục, nhưng không trễ quá 18 tháng.

- Chu kỳ động dục trung bình là 17 ngày, dao động khoảng 15-18 ngày, thời gian động dục 18-24 giờ.

- Thời gian lên giống lại sau khi sinh 2,5-3,0 tháng, khi cừu cái không cho cừu đực phối là đã đậu thai.

- Thời gian mang thai trung bình 148 ngày, dao động khoảng 140-160 ngày.

- Số con trên lứa từ 1-2 con

- Số lứa/năm thường là 2 năm 3 lứa,

- Tuổi thành thực sinh dục cừu đực 6-10 tháng, phối giống tốt nhất 12-18 tháng.

* Xem răng định tuổi cừu:

Từ sơ sinh đến một năm tuổi: Răng sữa

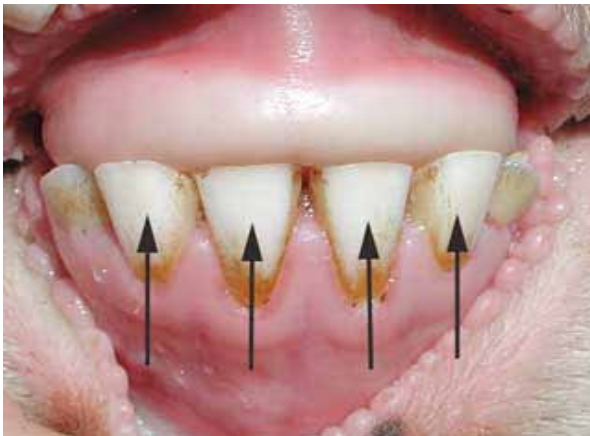
Một tuổi rưỡi: Thay 2 răng cửa giữa

Hai năm tuổi: Thay 2 răng cửa bên

Ba năm tuổi : Thay 2 răng áp góc

Bốn năm tuổi: Thay 2 răng góc (đu răng)

Sáu năm tuổi: Chân răng hở



Cừu thay 2 đôi răng

PHẦN II: CÁCH CHỌN CỪU GIỐNG VÀ MỘT SỐ LƯU Ý TRONG CÔNG TÁC PHỐI GIỐNG

I. Cách chọn cừu giống

1 Chọn cừu cái giống

- Chọn qua đời trước: Chọn từ bố mẹ giống tốt.
- Chọn qua bản thân:

Ngoại hình: Mặt linh hoạt, đầu rộng, hơi dài, trán dô, cổ dài vừa phải, lưng dài thẳng, hông rộng, chân sau và trước cứng cáp, thẳng đứng. Bầu vú nở rộng, cân đối, bầu vú gắn chặt vào phần bụng, gọn ở phía trước, hai núm vú dài và đưa về phía trước, nhìn từ phía sau bầu vú nở tròn, lông bầu vú càng mịn càng tốt, bầu vú treo vững, có nhiều tĩnh mạch nổi rõ.

- Chọn lọc qua đánh giá con cái của chúng.

2 Chọn cừu đực giống

- Chọn qua đời trước: Chọn đực giống từ bố, mẹ, ông, bà tốt
- Chọn qua bản thân:

Ngoại hình: Cơ thể cân đối, đầu to vừa phải, trán rộng, cổ tròn, ngực to, ức rộng, mình dài, bốn chân chắc khỏe, bụng thon gọn, khỏe mạnh,...

Hai tinh hoàn to đều đặn, săn chắc, cân đối. Nên chọn con đực lứa đẻ thứ 2-4 (chọn cừu đực con một).

- Chọn lọc qua đánh giá thể hệ con cái của chúng.

II. Một số lưu ý trong công tác phối giống

Biểu hiện cừu cái động dục: Phần ngoài của bộ phận sinh dục sưng, chảy nước, đỏ. Đuôi ve vẩy, đứng yên cho cừu khác nhảy lên. Luôn kêu la và giảm lượng ăn vào.

- Phải có sổ theo dõi phối giống và sinh sản của cừu (bám

số đẻ tai).

- Tỷ lệ đẻ giống/cái sinh sản là: 1 đẻ giống phối cho 30 cừu cái.

- Thời gian sử dụng cừu đẻ giống trong đàn khoảng 1,5 năm là phù hợp, hạn chế tình trạng phối giống đồng huyết cục bộ trong phạm vi một trại.

PHẦN III: THỨC ĂN, TRỒNG VÀ CHẾ BIẾN THỨC ĂN CHO CỪU

I. Các loại thức ăn

Cừu là loài động vật nhai lại, không kén chọn thức ăn, ăn được nhiều loại thực vật, phụ phẩm nông nghiệp như: Cám gạo, xác mì, xác đậu nành, bột bắp, vỏ quả mít, vỏ quả chuối, đu đủ, bí đỏ, củ cải, dây thanh long, lá nho, lá táo, hèm bia, hèm rượu.... Để cừu có đầy đủ chất dinh dưỡng, mau lớn phải bổ sung thêm các loại vitamin, khoáng chất và nước sạch cho cừu uống.

II. Quy trình trồng cỏ

1. Chọn hom giống

(Xem quy trình trồng cỏ ở trang 8)

PHẦN IV: KỸ THUẬT CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG CỪU

I. Chăm sóc cừu cái hậu bị

- Giai đoạn nuôi hậu bị kéo dài 4-5 tháng, cần bảo đảm nhu cầu thức ăn hàng ngày.

- Thức ăn thô xanh 4-5 kg, thức ăn tinh 0,2-0,3 kg.

II. Chăm sóc cừu mang thai

- Cho cừu ăn, uống đầy đủ bổ sung thêm khoáng chất, đặc biệt ở 2 tháng chữa cuối.

- Khoảng 1 tháng trước khi đẻ nên nhốt cừu chữa ở ô chuồng riêng, có ổ rơm, đi chăn gần và tránh đồi dốc cao, tránh bị xô đuổi dễ gây sảy thai. Bồi dưỡng thêm thức ăn tinh và rau cỏ non cho cừu nhưng tuyệt đối tránh thức ăn hôi, mốc.

- Tránh để cừu bị lạnh.

- Đừng để cừu mập quá sẽ sinh sản kém, khó đẻ.

- Khi có dấu hiệu sắp đẻ, lót ổ bằng rơm, cỏ khô sạch trong chuồng ép và có kế hoạch trực đẻ.

- Thức ăn: cho ăn thức ăn tinh hỗn hợp 0,1-0,3 kg; thức ăn thô xanh 4-5 kg.

III. Chăm sóc cừu đẻ

1. Các giai đoạn sinh đẻ

- Giai đoạn 1:

Giai đoạn này bầu vú bắt đầu to ra, căng lên (có khi xảy ra trước khi đẻ vài ngày). Âm hộ sưng to, ướt và có khi chảy dịch nhầy. Cừu thường ăn ít và bồn chồn, đi lại nhiều và kêu la. Giai đoạn này có thể kéo dài trên một ngày, kết thúc khi bọc ối bị vỡ ra.

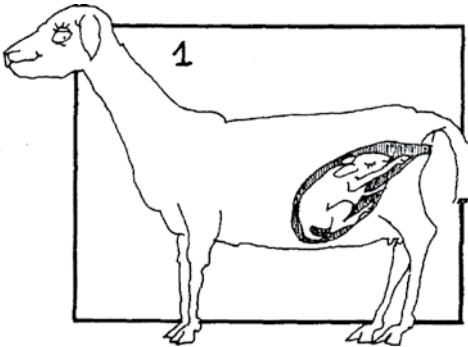
- Giai đoạn 2:

Cừu mẹ bắt đầu rặn mạnh, đẩy con ra ngoài. Giai đoạn này thường không quá một tiếng đồng hồ. Nếu sau 15 phút từ khi cừu con thò đầu ra ngoài, cừu mẹ rặn mạnh mà vẫn chưa đẻ được thì người đỡ đẻ phải nhẹ nhàng kéo cừu con ra ngoài theo nhịp rặn của cừu mẹ. Sau 45 phút mà vẫn không đẻ được thì phải nhờ cán bộ thú y can thiệp.

Cừu con được sinh ra bình thường khi nằm theo một trong hai tư thế như sau:

- Đầu ra trước: cừu con nằm úp sấp, cả hai chân trước duỗi thẳng, cằm ở ngang trên đầu gối. (Hình 1)

- Đầu ra sau: cừu con nằm úp sấp, cả hai chân sau duỗi thẳng ra trước, cừu nằm tư thế này thường ra lâu hơn một chút. (Hình 2)



2. Phương pháp đỡ đẻ cho cừu đẻ khó

- Các vị trí khác của bào thai đều thuộc vị trí đẻ khó. Do đó phải hỗ trợ đỡ đẻ cho cừu.

- Rửa sạch và xoa tay vào một lớp xà phòng (hoặc dầu ăn,...) cho trơn, nhẹ nhàng đưa tay vào âm đạo.

- Cảm nhận và xác định tư thế và các phần cơ thể của cừu con trong tử cung của cừu mẹ. Chỉnh lại chân, đầu, và các phần khác của thai về đúng vị trí. Chú ý là cừu có thể đẻ sinh đôi. Tốt nhất là chỉnh cho đầu và hai chân trước ra trước và thân nằm ở trạng thái úp sấp. Nếu không thì có thể chỉnh một chân trước và đầu dọc vào đường âm đạo, rồi kéo nhẹ nhàng và lôi cừu con ra ngoài theo nhịp rặn của cừu mẹ. Nếu tư thế đẻ đầu ra sau thì cả hai chân sau phải được chỉnh vào trong đường âm đạo. Phải xác định chắc chắn đó là hai chân sau nếu nó nằm sấp và hai chân úp xuống.

Sau khi chỉnh thai về đúng vị trí thì thận trọng từ từ kéo thai ra ngoài theo nhịp rặn của cừu mẹ.

3. Chăm sóc cừu mẹ sau sinh

Cừu mẹ đẻ xong cho uống nước ấm pha muối hoặc đường loãng, cho ăn rau cỏ non, thức ăn tinh.

Thường không quá 12 giờ nhau thai sẽ ra, quá 12 giờ nhau thai chưa ra phải tìm cán bộ thú y giúp đỡ, nếu không sẽ bị nhiễm trùng nguy hiểm cho cừu mẹ. Không cho cừu ăn nhau thai, nếu ăn nhau cừu bị rối loạn tiêu hóa.

IV. Chăm sóc cừu sơ sinh

Cừu con đứng dậy được thì cho bú ngay sữa đầu càng sớm càng tốt. Trong sữa đầu giàu chất dinh dưỡng, có khả năng chống lại bệnh tật.

Trong mười ngày đầu cừu con ở chung với cừu mẹ và chúng được bú tự do, tập cho chúng bú đều cả hai núm. Từ ngày thứ 11, khi chẵn thả cừu mẹ, nhốt đàn con ở nhà, chẵn thả xung quanh khu vực chuồng nuôi.

3-4 tuần tuổi cừu theo mẹ đi ăn tại khu vực chẵn thả. 3

tháng tuổi cừu có thể cai sữa, sống tách mẹ. Thời điểm này có thể tiêm ngừa vaccine và tẩy giun sán cho chúng.

V. Chăm sóc cừu đực giống

- Thường xuyên tắm sạch sẽ.
- Cho ăn thức ăn thô xanh thêm 4-5 kg, thức ăn tinh 0,3kg. Bổ sung thêm khoáng chất (đá liềm) và vitamin ADE.

PHẦN V: XÂY DỰNG CHUỒNG TRẠI VÀ CÔNG TÁC VỆ SINH THÚ Y

I. Xây dựng chuồng trại

Chuồng trại mát mẻ vào mùa hè, ấm về mùa đông, chuồng phải có mái che, máng ăn, máng uống và có sân chơi.

Sàn chuồng cách mặt đất 0,8-1,0 m. Kê hở sàn: 1,5-1,8 cm, vừa đủ cho phân lọt xuống nền chuồng. Diện tích tối thiểu: 1,0- 1,2 m²/1 cừu lớn.



Chuồng nuôi đảm bảo vệ sinh, quét dọn phân hàng ngày.

Phân cừu phải được thu gom hàng ngày, trộn với vôi bột, lá cây hoai mục khác, ủ sau 2 tháng mới sử dụng.

Nền chuồng và xung quanh chuồng trại định kỳ 1 tháng tẩy uế một lần.

Máng ăn, uống hàng ngày phải quét dọn, lau rửa.

Nên có ô chuồng dành cho cừu đẻ và nuôi con. Có chuồng cách ly để cách ly cừu bệnh.



Máng ăn và uống cho cừu

II. Công tác thú y

1. Vệ sinh thú y

Vệ sinh tắm cho cừu, vệ sinh chuồng trại, vệ sinh máng ăn, máng uống theo định kỳ.

2. Công tác phòng bệnh

Hàng năm phải định kỳ tiêm phòng vaccine và ngừa giun sán cho cừu.

- | | |
|----------------------------------|---------------|
| - Vaccine Lở mồm long móng: | 6 tháng/lần . |
| - Vaccine Tụ huyết trùng: | 6 tháng/lần. |
| - Giải độc tổ viêm ruột hoại tử: | 6 tháng/lần. |
| - Ký sinh trùng : | 4 tháng/lần. |

PHẦN VI: MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở CỪU

I. Bệnh ký sinh trùng

- Nội ký sinh trùng: Sán lá gan, giun đũa, cầu trùng,...

Biểu hiện: Lông xù, xơ xác, thâm màu, thú ăn ít, gầy yếu, đi phân lỏng hay bị tiêu chảy, sung hàm vè chiều

- Ngoại ký sinh trùng: Ghẻ, dòi do trầy xước da, ve, nấm hàm,...

- Cách phòng trị:

Định kỳ 4 tháng tẩy một lần, nhất vào giao mùa, sử dụng luân phiên các loại thuốc đặc trị như: Dovenix, Levamisol, Albendazol, Menbendazol, Ivermectin. Cắt lông chỗ bị ghẻ, cạo sạch sẽ, để khô dùng lugol 7% bôi vào hoặc dùng mỡ lưu huỳnh bôi vào; tiêm Ivermectin.

II. Bệnh tụ huyết trùng

1. Biểu hiện:

Đê sốt cao, lờ đờ mệt mỏi bỏ ăn, mắt đỏ, nước miếng chảy thành sợi dài quanh miệng, niêm mạc tụ máu, lưỡi tím bầm, có thể chướng hơi, nếu bệnh quá nặng có thể sưng hạch cổ, hạch hàm,...



Phổi bị viêm xuất huyết

Tụ máu ở cơ quan phủ tạng, các tổ chức liên kết dưới da xuất huyết lấm tấm, thịt nhão. Màng phổi xuất huyết lốm đốm, dày lên và dính vào thành mạch ngực. Phổi bị viêm, bị gan hóa

2. Cách phòng trị

Tiêm vaccine phòng bệnh, không nên thả cừu đi chăn sớm trước lúc mặt trời mọc, chuồng trại sạch sẽ thông thoáng, mùa lạnh giữ ấm cho cừu.

Tiêm thuốc hạ sốt, trợ sức, sau đó dùng kháng sinh như: Kanamulin, Penicillin, Streptomycin.

III. Bệnh đau mắt đỏ

1. Biểu hiện

Ban đầu viêm giác mạc, chảy nước mắt sau đó nước này đặc lại, giác mạc đỏ, đồng tử mờ dần. Nếu không điều trị kịp thời mắt sẽ mù.



2. Điều trị:

Nên rửa sạch ghèn, nước mắt bằng nước sôi để nguội hoặc bằng nước muối sinh lý trước khi nhỏ, dùng kháng sinh: Penicillin, Tetracyclin để tra vào mắt hoặc nhỏ mắt bằng Gentadrop.



IV. Bệnh chướng hơi dạ cỏ

1. Biểu hiện: Bồn chồn, khó chịu, mệt mỏi, bụng trái căng to, gõ có âm trống.

- Đầu ngoảnh về phía trái, chảy nước dãi.

- Khó thở, niêm mạc đỏ thẫm, sau chuyển tím tái.

- Bỏ ăn, nhu động dạ cỏ yếu dần rồi mất.

2. Phòng và điều trị:

- Không cho ăn thức ăn dễ lên men sinh hơi, thức ăn thiu, mốc.

- Để gia súc ở tư thế đầu cao hơn mông, dùng rơm khô chà sát vùng dạ cỏ.

- Dùng 3-4 củ tỏi, 1 củ gừng giã nát và hoà với rượu (hoặc dấm, bia) cho uống có thể cho uống thêm tách nhỏ dầu ăn.

V. Bệnh đậu cừu

1. Biểu hiện:

- Chảy nước mũi, mắt đỏ, sốt, bỏ ăn. Sau 1-2 ngày có nhiều nốt mẩn đỏ, nốt này vỡ tạo thành vảy và tồn tại sau 3-4 tuần.

- Viêm phế quản và phổi, cừu khó thở, ho ra dịch mủ, chết sau 5-6 ngày.



2. Trị bệnh: Dùng thuốc nam (với các nguyên liệu lá bàng, lá chè, trâu không, nấu lấy nước cho uống. Ngoài da bôi xanh metylen.

VI. Bệnh viêm ruột hoại tử

1. Biểu hiện:

- Cừu đau đốn khó chịu, cong lưng, nghiêng răng, chảy nước dãi.

- Trợn, chớp mắt liên tục, co giật, sốt cao.

- Tiêu chảy dữ dội, phân có màng nhầy thối khắm. Cừu thường chết nhanh sau vài giờ.

- Mô khám thấy: gan sưng, xung xuất và huyết, túi mật sưng to; ruột viêm nặng màu đỏ thẫm, hạch ruột sưng; dịch bao tim có các hạt nhỏ như mỡ gà.



Túi mật sưng to

2. Phòng trị bệnh:

- Do mầm bệnh tồn tại trong đất và trong dạ cỏ và ruột của cừu. Bệnh phát ra do hậu quả của sự thay đổi đột ngột thức ăn. Do đó dẫn đến sự thay đổi các yếu tố lý hoá trong đường tiêu hóa, tạo điều kiện cho vi khuẩn sinh sôi, phát triển và sinh độc tố gây bệnh. Các độc tố của vi khuẩn được giải phóng ra rất nhanh và được hấp thu vào máu gây bệnh.

- Khi thay đổi thức ăn phải từ từ, cho cừu quen dần.

- Cừu mắc bệnh thì khó hồi phục. Có thể điều trị bằng Gentamycin, kết hợp tiêm glucose vào tĩnh mạch và cho uống muối bicarbonat./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dự án Hỗ trợ Tam nông tỉnh Ninh Thuận. Báo cáo phân tích chuỗi giá trị các sản phẩm bò, dê, cừu tỉnh Ninh Thuận, năm 2012
2. PGS.TS Nguyễn Thiện, PGS TS Đinh Văn Bình. TS Nguyễn Thị Mùi. Con dê Việt Nam, năm 2008
3. PGS. TS Đinh Văn Bình và Thạc sỹ Nguyễn Duy Lý. Kỹ thuật chăn nuôi dê lai sữa, thịt, năm 2001
4. TS Trần Văn Chính. Giống vật nuôi, năm 2011
5. Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư Ninh Thuận. Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi, năm 2013.

Mục Lục

LỜI NÓI ĐẦU.....	2
A. KỸ THUẬT CHĂN NUÔI DÊ	
PHẦN I: GIỚI THIỆU MỘT SỐ GIỐNG VÀ ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC CỦA DÊ.....	3
I. Giới thiệu một số giống dê.....	3
II. Một số đặc điểm sinh học của dê.....	4
PHẦN II: CÁCH CHỌN DÊ GIỐNG VÀ MỘT SỐ CHÚ Ý THEO DÕI PHỐI GIỐNG.....	6
I. Cách chọn dê giống.....	6
II. Một số chú ý trong công tác phối giống.....	7
PHẦN III: THỨC ĂN, TRỒNG VÀ CHẾ BIẾN THỨC ĂN CHO DÊ.....	8
I. Các loại thức ăn.....	8
II. Quy trình trồng cỏ VA06.....	8
III. Quy trình trồng cỏ Ghi-nê (cỏ sả).....	10
IV. Chế biến dự trữ thức ăn.....	12
PHẦN IV: KỸ THUẬT CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG DÊ ..	14
I. Chăm sóc dê cái hậu bị.....	14
II. Chăm sóc dê mang thai.....	14
III. Chăm sóc dê đẻ.....	14
IV. Chăm sóc dê sơ sinh.....	16
V. Chăm sóc dê đực giống.....	17

PHẦN V: XÂY DỰNG CHUỒNG TRẠI VÀ CÔNG TÁC VỆ SINH THÚ Y	17
I. Xây dựng chuồng trại.....	17
II. Công tác thú y	18
PHẦN VI: MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở DÊ	18
I. Bệnh ký sinh trùng	18
II. Bệnh tụ huyết trùng.....	19
III. Bệnh đau mắt đỏ	19
IV. Bệnh chướng hơi dạ cỏ	19
V. Bệnh đậu dê.....	20
VI. Bệnh viêm vú.....	20
VII. Bệnh viêm ruột hoại tử.....	21
VIII. Bệnh viêm loét miệng truyền nhiễm.....	22

A. KỸ THUẬT CHĂN NUÔI CỪU

PHẦN I: GIỚI THIỆU MỘT SỐ GIỐNG VÀ ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC CỦA CỪU	23
I. Giới thiệu một số giống cừu.....	23
II. Một số đặc điểm sinh học của cừu.....	24
PHẦN II: CÁCH CHỌN CỪU GIỐNG VÀ MỘT SỐ LƯU Ý TRONG CÔNG TÁC PHỐI GIỐNG	26
I. Cách chọn cừu giống.....	26
II. Một số lưu ý trong công tác phối giống.....	26
PHẦN III: THỨC ĂN, TRỒNG VÀ CHẾ BIẾN THỨC ĂN CHO CỪU	27

PHẦN IV: KỸ THUẬT CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG CỪU 28

I. Chăm sóc cừu cái hậu bị 28

II. Chăm sóc cừu mang thai 28

III. Chăm sóc cừu đẻ..... 28

IV. Chăm sóc cừu sơ sinh 30

V. Chăm sóc cừu đực giống 31

PHẦN V: XÂY DỰNG CHUỒNG TRẠI VÀ CÔNG TÁC VỆ SINH THÚ Y 31

I. Xây dựng chuồng trại 31

II. Công tác thú y 32

PHẦN VI: MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở CỪU ... 33

I. Bệnh ký sinh trùng 33

II. Bệnh tụ huyết trùng..... 33

III. Bệnh đau mắt đỏ 34

IV. Bệnh chướng hơi dạ cỏ 34

V. Bệnh đậu cừu..... 35

VI. Bệnh viêm ruột hoại tử 35